TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **58**/2023/HNGĐ- ST
Ngày : 29.8.2023
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Hồ Thị Hồng Liên**
2. Bà **Nguyễn Thị Tài**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm *tham gia phiên tòa*: Ông **Phan Văn Hưng**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 121/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1994
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Nông Văn T,** sinh năm 1979
Địa chỉ: Thôn 4, xã B' L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị N, anh T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 26/5/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống tự nguyện từ năm 2020, tìm hiểu nhau qua người khác giới thiệu, quen biết được 01 năm thì hai bên có ra mắt gia đình, không tổ chức lễ cưới, hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 24/3/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, làm nghề buôn bán nhỏ. Đến tháng 4/2021 vợ chồng mâu thuẫn nên ly thân đến nay, chị N về quê tại Vĩnh Long sinh sống, anh T ở tại Thành phố Hồ Chí Minh một thời gian thì về xã B' L, huyện B sinh sống đến nay. Vợ chồng hạnh phúc được mấy tháng, sau đó anh T nhậu nhẹ, chơi bời không lo làm ăn, chị N có khuyên bảo cũng không được, vợ chồng có xô xát, đánh đập nhau. Nay tình cảm

vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh T có 01 con chung là Nông Nguyễn Triệu V, sinh ngày 19/5/2021. Hiện tại chị N đang trực tiếp nuôi con chung. Nay ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị N và anh T không tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị N và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2023 tại Tòa án, bị đơn anh Nông Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị N quen biết, tìm hiểu nhau qua mạng xã hội được khoảng 01 tháng thì cả hai về chung sống với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2020, không tổ chức lễ cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 24/3/2021. Cuộc sống vợ chồng bình thường, tuy nhiên anh T phát hiện chị N sống không thật thà, có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Sau khi sinh con, chị N về Vĩnh Long sinh con, anh T có về thăm nhưng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, đánh đập nhau, công an địa phương đến can thiệp. Khoảng 03-04 tháng sau thì anh T có nộp đơn ly hôn tại Tòa án huyện Vũng Liêm nhưng do con dưới 12 tháng tuổi nên anh T không được ly hôn. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh T cũng đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị N có 01 con chung là Nông Nguyễn Triệu V, sinh ngày 19/5/2021. Hiện nay con chung đang sống với chị N, con dưới 36 tháng tuổi nên anh T đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống anh T và chị N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/7/2023. Chị N, anh T đều có đơn yêu cầu vắng mặt nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cho chị N và anh T được ly hôn. Về con chung cần xem xét giao con chung là Nông Nguyễn Triệu V, sinh ngày 19/5/2021 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con

chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Nông Văn T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của phá luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nông Văn T chung sống tự nguyện từ năm 2020, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 24/3/2021. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống, làm việc tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn dẫn đến không thể hàn gắn, chủ yếu do cả hai không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, tình cảm, công việc. Vợ chồng cãi vã, đánh đập nhau và ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng cả chị N và anh T đều thừa nhận, không thể hàn gắn, đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đều yêu cầu giải quyết ly hôn. Tòa án có tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N và anh T được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai của chị N, anh T, bản sao giấy khai sinh thấy rằng quá trình chung sống hai người có 01 con chung là Nông Nguyễn Triệu V, sinh ngày 19/5/2021. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N thấy rằng hiện nay con dưới 36 tháng tuổi, chị N chăm sóc nuôi dưỡng con tốt, phát triển bình thường. Anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung Nông Nguyễn Triệu V sinh ngày 19/5/2021 cho anh Ngoan trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị N yêu cầu, đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng như trên. Hội đồng xét xử cần căn cứ vào điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc anh T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về tài sản chung: Chị N, anh T nhất trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Chị N, anh T thống nhất trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (xin ly hôn), anh Nông Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm *(cấp dưỡng)* theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N đối với anh Nông Văn T về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Nông Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc anh Nông Văn T phải giao con chung là Nông Nguyễn Triệu V, sinh ngày 19/5/2021 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

"*Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*".

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0012852 ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Buộc anh Nông Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy